

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 16/2023/HS-ST

Ngày: 17/5/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Ông Lưu Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/HSST-QĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

T; sinh ngày 1991 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Làng Krai, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn T và bà Hà Thị L; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Phạm Thị Nhung, sinh năm 1991 từ năm 2015 đến năm 2017 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã số 03 ngày 02/10/2022 của Công an huyện Đ, tỉnh G và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Ngọc TH, sinh năm 1993. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Huỳnh Văn K – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồng Văn T, sinh năm 1963. Trú tại: Làng Krai, xã Kon Gang, huyện Đ,

tỉnh G. Có mặt.

Anh Hồ Mạnh D, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn Cây Điệp, xã KDang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1984. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Văn Thị Đ, sinh năm 1991. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Lê Thị Th, sinh năm 1991. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1975. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Lê Thị P, sinh năm 1985. Trú tại: Làng Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 07/4/2022, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 81B2 – 896.11 màu vàng đen của ông Đồng Văn Tiêu (bố của Tiền) đến quán ăn “Tr Diêu” tại thôn Kop, xã Kon Gang, huyện Đ ăn, uống rượu với anh Trần Văn Tr - chủ quán ăn trên và chị Văn Thị Đ (vợ anh Tr). Tại đây, ngồi ở bàn bên cạnh Tiền có anh Lê Ngọc TH cùng với anh Nguyễn Thế Sạch (Sinh năm 1986) và anh Bùi Ngọc Anh (Sinh năm 1995, cùng trú tại xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G) đang uống rượu. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai bàn ăn đều nghỉ, anh Sạch và anh Anh đi về trước. Lúc này, anh Tr rủ Tiền đi uống nước tại nhà bạn nhưng anh TH rủ Tiền đi uống rượu tiếp, anh TH dùng tay lôi kéo nhưng Tiền không đồng ý. Giữa Tiền và anh TH xảy ra mâu thuẫn cãi vã, sau đó Tiền dùng giày ném vào mặt anh TH (không trúng anh TH), anh Tr thấy vậy thì chạy lại can ngăn. Sau khi hai bên ngừng xích mích thì anh Tr chở Tiền đi qua nhà bạn của anh Tr uống nước. Trong lúc anh Tr và Tiền đi thì anh TH vẫn đứng trước quán ăn chửi bới. Một lúc sau, Tiền quay lại quán “Tr Diêu” lấy áo lạnh, anh TH tiếp tục có nhiều lời nói xúc phạm Tiền về mâu thuẫn trước đó nên giữa Tiền và anh TH tiếp tục xảy ra xích mích. Anh TH chạy xe đến trước cổng Ủy ban nhân dân xã Kon Gang tiếp tục chửi Tiền sau đó anh TH đi bộ đến chỗ Tiền, Tiền lấy một đoạn cây củi ở bên cạnh quán ăn đi lại đánh vào vùng cánh tay trái của anh TH nhiều cái. Anh TH dùng tay đỡ và bỏ chạy theo đường liên thôn về hướng xã Đak Krong, lúc anh TH quay người bỏ chạy thì Tiền dùng cây đánh

vào vai anh TH làm gãy cây củi, đoạn cây củi rớt xuống đường đập vào chân phải anh TH. Sau đó, Tiền nhặt đoạn cây bị gãy và Đ khiển xe mô tô biển số 81B2 – 896.11 đuổi theo, anh TH chạy vào nhà chị Lê Thị Phương tại thôn Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G trốn. Tiền chạy xe mô tô đến ngã ba (gần Ủy ban nhân dân xã Kon Gang) không thấy anh TH nữa thì quay đầu xe về quán “Tr Diêu”, anh TH được người dân đưa đi sơ cứu tại trạm y tế xã Kon Gang sau đó Đ trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh G. Hậu quả: anh TH bị thương tích phải Đ trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh G từ ngày 07/4/2022 đến ngày 15/4/2022 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G xác định: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Ngọc TH do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19%; cơ chế hình thành vết thương là do sự tác động trực tiếp của ngoại lực; vật gây thương tích: phù hợp với sự tác động của vật tày. Áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư 22/2019/TT-BYT.

- *Vật chứng, xử lý vật chứng*: Trong quá trình Đ tra, Cơ quan Đ tra đã thu giữ và xử lý các vật chứng như sau:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển số 81B2 – 896.11, màu vàng đen, số khung RLCJ1PB30EY054838, số máy 1PB3054842. Qua quá trình xác minh, xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Đồng Văn Tiêu. Quá trình Tiền mượn xe, ông Tiêu không biết Tiền sử dụng vào mục đích sử dụng để gây thương tích cho người khác nên Cơ quan Đ tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 60cm, đường kính phần gốc 6,5cm, phần trên có vết gãy, có đường kính 1,5cm; 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 30cm, đường kính 1,5cm. Đây là vật chứng mà T đã sử dụng để gây thương tích cho bị hại. Xét thấy cần chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ để tiếp tục tạm giữ, phục vụ cho công tác xét xử.

- *Về dân sự*: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 12.000.000 đồng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Tuy nhiên, bị cáo không đồng ý với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G xác định: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Ngọc TH do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19% và đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại thương tích của bị hại.

Tại bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo T về tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Đ 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ

nguyên quan điểm truy tố đối với T, không đồng ý yêu cầu của bị cáo về việc đề nghị giám định lại thương tích của bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Đ 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Đ 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T từ 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Đ 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Đ 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 60cm, đường kính phần gốc 6,5cm, phần trên có vết gãy, có đường kính 1,5cm; 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 30cm, đường kính 1,5cm.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 12.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, Đ luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị cáo về việc đề nghị giám định lại thương tích của bị hại. Khung hình phạt Đại diện viên kiểm sát đề nghị cho bị cáo từ 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Đ 54 Bộ luật hình sự vì bị cáo có đủ hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Đ 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và không có ý kiến tranh luận với ý kiến của người bào chữa.

Trong quá trình Đ tra và tại phiên tòa bị cáo T không có ý kiến gì với quyết định truy tố, bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và không bổ sung đối với bản luận cứ của người bào chữa. Bị cáo không đồng ý với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G xác định: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Ngọc TH do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19% và đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại thương tích của bị hại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Đ tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình Đ tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình Đ tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt: Vào ngày 07/4/2022, tại thôn Kop, xã Kon Gang, huyện Đ, tỉnh G. T đã có hành vi dùng 01 gậy gỗ đánh vào vai trái, cẳng tay trái và cẳng chân phải gây thương tích cho Lê Ngọc TH. Hậu quả: Lê Ngọc TH gãy kín 1/3 dưới xương trụ trái cánh tay trái. Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G xác định: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Ngọc TH do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19%.

Tại phiên tòa, bị cáo Tiên không đồng ý với tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Ngọc TH do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 19% theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G vì: bị cáo Tiên cho rằng việc bị cáo sử dụng cây gỗ đánh vào vai trái của bị hại Lê Ngọc TH, sau đó bị hại giờ tay trái ra đỡ không để lại vết sẹo tại cẳng tay trái của Lê Ngọc TH như thể hiện tại phần kết luận của Bản kết luận giám định pháp y. Việc giám định pháp y về thương tích dựa trên thương tật của bị hại TH sau thời gian bị cáo gây thương tích là 6 ngày (ngày 13/4/2022) là không chính xác. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho giám định lại thương tích đối với bị hại Lê Ngọc TH. Hội đồng xét xử thấy rằng tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/22/TgT ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh G thể hiện việc giám định thương tích của Lê Ngọc TH dựa trên hồ sơ bệnh án của Lê Ngọc TH tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh G cấp ngày 25/5/2022; vào viện ngày 7/4/2022; ra viện ngày 15/4/2022; dựa vào biên bản ghi lời khai; biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; bản ảnh hung khí của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ cung cấp là phù hợp với kết luận thương tích của bị hại nên không chấp nhận yêu cầu của bị cáo Tiên về việc giám định lại thương tích đối với bị hại Lê Ngọc TH.

Hành vi gây thương tích cho người khác nêu trên của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo sử dụng hung khí là 01 đoạn cây gỗ đánh gây thương tích cho anh Lê Ngọc TH với tỷ lệ tổn thương là 19%. Hành vi phạm tội của T đã phạm vào tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ

khoản 2 Đ 134 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình Đ tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị hại có một phần lỗi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Đ 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Jupiter, biển số 81B2 – 896.11, màu vàng đen, số khung RLCJ1PB30EY054838, số máy 1PB3054842. Qua quá trình xác minh, xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Đồng Văn Tiêu. Quá trình Tiền mượn xe, ông Tiêu không biết Tiền sử dụng vào mục đích sử dụng để gây thương tích cho người khác nên Cơ quan Đ tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 60cm, đường kính phần gốc 6,5cm, phần trên có vết gãy, có đường kính 1,5cm; 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 30cm, đường kính 1,5cm. Đây là vật chứng mà T đã sử dụng để gây thương tích cho bị hại. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại TH đề nghị bị cáo T bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Ông Đồng Văn Tiêu (là cha bị cáo Tiền) đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho bị hại thay cho bị cáo Tiền, bị cáo Tiền đồng ý tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Ông Đồng Văn Tiêu không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 8.000.000 đồng đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường dân sự, buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.000.000 đồng cho bị hại.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Đ 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Đ 51 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Đ 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Đ 584; 585; 586; 590 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Đ 106; 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;
- Căn cứ Đ 143 và Đ 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo T 3 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 05/10/2022).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 60cm, đường kính phần gốc 6,5cm, phần trên có vết gãy, có đường kính 1,5cm; 01 (một) khúc cây gỗ tròn, có chiều dài 30cm, đường kính 1,5cm.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 30/11/2022 giữa chi cục thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ, tỉnh G.

4. Về dân sự:

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Lê Ngọc TH số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Buộc bị cáo T phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Ngọc TH số tiền còn lại là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Đ 357 và Đ 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Xử buộc bị cáo T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2023), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA